

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIÊN LƯƠNG
TỈNH KIÊN GIANG
Số: 53/2023/QĐST-HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kiên Lương, ngày 23 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 58/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Ông Trần Hoàng U, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Số 148/12/48 đường T, phường 8, Quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Phạm Thị Bé S, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Tổ 05, ấp S, xã B, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 3 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 3 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trần Hoàng U và bà Phạm Thị Bé S.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giữa ông U bà S chúng sống với nhau có 02 người con chung tên Trần Phạm Hoàng S1, sinh ngày 19/10/2015 và Trần Phạm Khôi Ng, sinh ngày 21/11/2018.

Ông U bà S thỏa thuận như sau: Giao cho ông U tiếp tục nuôi dưỡng con Trần Phạm Hoàng S1 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và giao bà S tiếp tục nuôi dưỡng con tên Trần Phạm Khôi Ng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Đây cũng là nguyên vợ của cháu S1 được sống cùng cha.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông U bà S đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc con chung.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Án phí HNGĐ-ST là 150.000đ, mỗi người phải nộp $\frac{1}{2}$, ông U phải nộp 75.000đ, bà S phải nộp 75.000đ. Ông U tự nguyện nộp hết án phí, được khấu trừ vào án phí tạm nộp số tiền 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0006861 ngày 17/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiên Lương. Hoàn trả lại số tiền 150.000đ cho ông Trần Hoàng U.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Cao Thị Mai